

Số: 59/2020/QĐST-HNGĐ

Tp Thanh Hóa, ngày 14 tháng 02 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015

Căn cứ Nghị quyết 326/ 2016/ NQ- UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và Lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 64/2020/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, nuôi con khi ly hôn”. Gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Chu Anh N – Sinh năm 1980

Địa chỉ: D, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Lê Thị H – Sinh năm 1982

Địa chỉ: D, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về hôn nhân: Anh Chu Anh N và chị Lê Thị H đề nghị Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa anh N và chị H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, sự thỏa thuận của anh chị về thuận tình ly hôn là có căn cứ, nên công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Chu Anh N và chị Lê Thị H.

[2]. Về con cái: Anh N và chị H có 02 con chung là cháu Chu Thị Trâm A sinh ngày 13/12/2003 và cháu Chu Đức T sinh ngày 31/12/2007. Ly hôn anh chị thỏa thuận: Chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Thị Trâm A, anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Đức T, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Xét thấy việc thỏa thuận của anh N và chị H về người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện của các đương sự, phù hợp với nguyện vọng của con cái và phù hợp với quy định pháp luật, nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[3]. Về T sản chung và công nợ chung: Không có, anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét đây là tự nguyện của anh chị nên công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[4]. Về Lệ phí: Anh N và chị H thỏa thuận, anh N chịu Lệ phí ly hôn sơ thẩm, xét đây là sự tự nguyện của anh chị nên chấp nhận.

[5]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành và ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Chu Anh N và chị Lê Thị H.

- Về con chung: Anh N và chị H có 02 con chung là cháu Chu Thị Trâm A sinh ngày 13/12/2003 và cháu Chu Đức T sinh ngày 31/12/2007. Ly hôn giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Thị Trâm A, giao cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Đức T, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con. Hai bên có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- Về T sản chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ chung: Anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về Lệ phí Tòa án: Công nhận sự thỏa thuận của anh chị, anh N chịu lệ phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2018/0000714 ngày 08/01/2020, anh N đã nộp đủ.

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Thanh Hóa;
- THADS TPTH;
- UBND xã Đ;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Thị Nguyệt

